

KẾT QUẢ KIỂM TRA LẠI - NĂM HỌC 2024-2025
KHỐI 6

STT	Họ và Tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi lại	Điểm môn kiểm tra lại							Kết quả
						Toán	Ngữ văn	T.Anh	LS-ĐL	KHTN	CN	GDCD	
1	Trần Thanh Long	6A2	17/09/2013	Nam	Ngữ văn: 3.5, Ngoại ngữ: 2.4			3.5					Đạt
2	Bùi Thị Quỳnh Như	6A2	25/08/2013	Nữ	Toán học: 4.0, Ngoại ngữ: 2.6			3.7					Đạt
3	Nguyễn Thanh Gia Bảo	6A3	06/11/2013	Nam	Toán học: 4.3, Ngữ văn: 3.8, Ngoại ngữ: 2.7	7.0		3.5					Đạt
4	Hà Minh Hùng	6A3	29/06/2012	Nam	Toán học: 3.8, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 2.4	3.5		5.0					Đạt
5	Vũ Công Vinh	6A3	04/11/2011	Nam	Ngữ văn: 1.9, Ngoại ngữ: 2.6		5.0	3.5					Đạt
6	Nguyễn Trọng Nhân	6A4	19/09/2012	Nam	Toán học: 3.7, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.8		5.0						Đạt
7	Nguyễn Linh Nhi	6A4	14/10/2013	Nữ	Toán học: 4.2, Ngữ văn: 4.4, Ngoại ngữ: 3.1		5.8	3.5					Đạt
8	Nguyễn Thị Thảo Vy	6A4	20/03/2013	Nữ	Toán học: 4.0, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 3.5		5.8						Đạt
9	Đỗ Quỳnh Như Ý	6A4	07/11/2013	Nữ	Ngữ văn: 2.0, Ngoại ngữ: 3.8		3.5						Đạt
10	Trương Hoàng Duy	6A5	20/09/2013	Nam	Toán học: 3.5, Ngữ văn: 2.3, Ngoại ngữ: 2.6	2.5	2.0	2.7					Hồng
11	Đình Hữu Hiền	6A5	18/03/2013	Nam	Toán học: 2.5, Ngữ văn: 1.9, Ngoại ngữ: 2.8	4.8	1.5	1.4					Hồng
12	Lâm Dương Khang	6A5	08/08/2013	Nam	Toán học: 3.2, Ngữ văn: 4.3, Ngoại ngữ: 2.7	3.5		Vắng					Hồng
13	Nguyễn Hữu Đạt	6A6	18/09/2013	Nam	Toán học: 4.0, Ngữ văn: 3.1, Ngoại ngữ: 3.6	5.0	3.5						Đạt
14	Hồ Tríết Giang	6A6	12/02/2012	Nam	Toán học: 3.8, Ngữ văn: 3.8, Ngoại ngữ: 3.5	4.6	5.0						Đạt
15	Trương Đan Huy	6A6	24/07/2013	Nam	Toán học: 3.5, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 2.5		5.0	3.5					Đạt
16	Nguyễn Lê Đăng Khôi	6A6	12/05/2013	Nam	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 3.5, Ngoại ngữ: 3.6		Vắng	Vắng					Hồng
17	Nguyễn Anh Kiệt	6A6	07/10/2012	Nam	Toán học: 2.6, Ngữ văn: 2.7, Ngoại ngữ: 4.2	3.5	5.5	7.3					Đạt
18	Nguyễn Thế Minh	6A6	05/11/2012	Nam	Toán học: 2.7, Lịch sử và Địa lí: 3.9, Khoa học tự nhiên: 3.4, Ngoại ngữ: 2.7	5.0		4.0		5.0			Đạt
19	Trần Đại Nhựt	6A6	01/09/2012	Nam	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 1.2, Ngoại ngữ: 3.5	6.8	3.5						Đạt
20	Đặng Trung Sỹ	6A6	02/07/2011	Nam	Toán học: 3.1, Lịch sử và Địa lí: 3.7, Khoa học tự nhiên: 2.8, Ngữ văn: 1.0, Ngoại ngữ: 2.8, Công nghệ: 4.5	3.0	1.0	1.9		3.3	6.3		Hồng

STT	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Giới tính	Nội dung thi	Toán	Ngữ văn	T.Anh	LS-DL	KHTN	CN	GD&CD	Đạt qua
	Họ và tên	STT												
21	Trần Nhựt Anh	6A7	12/12/2012	Nam	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 2.6, Ngoại ngữ: 3.0	3.5	5.0	3.5						Đạt
22	Bùi Nguyễn Khánh Hà	6A7	31/10/2013	Nữ	Toán học: 2.3, Lịch sử và Địa lí: 4.5, Khoa học tự nhiên: 3.7, Ngữ văn: 2.8, Ngoại ngữ: 3.3	3.8	3.5	5.0	8.0	7.0				Đạt
23	Trần Thọ Gia Huy	6A7	31/12/2013	Nam	Ngữ văn: 2.8, Ngoại ngữ: 3.1		3.5	5.5						Đạt
24	Nguyễn Quốc Kiệt	6A7	05/06/2012	Nam	Toán học: 3.5, Ngữ văn: 2.2, Ngoại ngữ: 2.6	1.0	4.0	1.2						Hồng
25	Nguyễn Lê Minh Long	6A7	17/09/2012	Nam	Toán học: 3.5, Lịch sử và Địa lí: 4.3, Khoa học tự nhiên: 3.5, Ngữ văn: 3.4, Ngoại ngữ: 2.4	3.5	5.0	3.5	5.0	5.3				Đạt
26	Nguyễn Hữu Nguyên	6A7	19/12/2013	Nam	Ngữ văn: 2.5, Ngoại ngữ: 2.8		3.5	4.5						Đạt
27	Nguyễn Hoàng Anh Thư	6A7	17/11/2013	Nữ	Ngữ văn: 2.7, Ngoại ngữ: 3.8		Vắng							Hồng
28	Nguyễn Phú Lộc	6A8	04/02/2013	Nam	Toán học: 3.0, Ngữ văn: 4.0, Ngoại ngữ: 3.2	3.5	5.0	4.4						Đạt
29	Lê Trọng Phú	6A8	23/04/2013	Nam	Toán học: 3.2, Ngữ văn: 3.2, Ngoại ngữ: 3.1	3.5	5.0	3.5						Đạt
30	Nguyễn Huỳnh Phi Phụng	6A8	07/12/2013	Nữ	Toán học: 3.2, Khoa học tự nhiên: 3.3, Ngữ văn: 2.5, Ngoại ngữ: 2.7, Công nghệ: 4.5	2.7	2.0	2.6		5.8	8.5			Hồng
31	Trần Thị Hải Yến	6A8	06/11/2011	Nữ	Toán học: 3.1, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 3.9	5.0	3.5							Đạt
32	Huỳnh Mai An	6A9	19/10/2013	Nữ	Toán học: 4.7, Ngữ văn: 4.6, Ngoại ngữ: 2.9		4.3	5.0						Đạt
33	Hồ Hải Huy	6A9	04/10/2013	Nam	Toán học: 4.6, Ngữ văn: 3.0, Ngoại ngữ: 2.8	7.0	6.0	3.5						Đạt
34	Nguyễn Hoàng Khang	6A9	18/12/2013	Nam	Toán học: 2.4, Ngữ văn: 2.1, Ngoại ngữ: 2.2	2.0	3.3	0.8						Hồng
35	Dương Đỗ Bảo Linh	6A9	15/01/2013	Nữ	Toán học: 3.2, Ngữ văn: 4.3, Ngoại ngữ: 2.9	4.3	6.5	4.4						Đạt
36	Nguyễn Thị Yến Nhi	6A9	15/03/2013	Nam	Toán học: 3.6, Ngữ văn: 3.9, Ngoại ngữ: 3.6		5.0	3.5						Đạt
37	Trịnh Thị Phương	6A9	06/05/2013	Nữ	Toán học: 3.3, Ngữ văn: 4.4, Ngoại ngữ: 2.9	3.5	5.0	3.5						Đạt
38	Trần Thị Mỹ Hạnh	6A10	13/12/2013	Nữ	Toán học: 2.3, Ngữ văn: 3.6, Ngoại ngữ: 3.1	3.5	5.0	3.5						Đạt
39	Lê Ngọc Lương	6A10	21/10/2012	Nữ	Toán học: 2.9, Ngữ văn: 3.7, Ngoại ngữ: 3.4	5.5	5.8	4.9						Đạt
40	Nguyễn Trọng Phúc	6A10	09/12/2011	Nam	Toán học: 4.3, Ngữ văn: 3.7, Ngoại ngữ: 2.5		Vắng	Vắng						Hồng
41	Lê Ngọc Tâm	6A10	21/10/2012	Nữ	Toán học: 4.2, Ngữ văn: 4.2, Ngoại ngữ: 3.5		5.0							Đạt
42	Đoàn Thị Thùy Trang	6A10	22/11/2013	Nữ	Toán học: 3.8, Ngữ văn: 4.3, Ngoại ngữ: 2.8		6.5	3.8						Đạt
43	Thái Thanh Yến	6A10	10/03/2012	Nữ	Toán học: 3.6, Khoa học tự nhiên: 4.6, Ngữ văn: 3.3, Ngoại ngữ: 2.8	Vắng	Vắng	Vắng						Hồng
44	Nguyễn Tấn Phát	6A11	08/11/2011	Nam	Toán học: 3.1, Ngữ văn: 2.4, Ngoại ngữ: 3.1	2.8	3.0	2.1						Hồng

